

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/HS-PT

Ngày: 12-12-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán:

Ông Lê Viết Phong

Ông Phạm Tiến Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/12 và ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 112/2024/TLPT - HS ngày 29 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo Huỳnh Thị Bé B, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P, Lê Văn L do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Huỳnh Thị Bé B, sinh năm 1980 tại Trà Vinh; giới tính: nữ; nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1945 và bà Đặng Thị P1, sinh năm 1948; bị cáo có chồng Nguyễn Văn N, sinh năm 1982 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/05/2024 đến ngày 24/06/2024 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Huy C, sinh năm 1984 tại Cần Thơ; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: tổ F, khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1958; bị cáo có vợ Trần Thị T1, sinh năm 1983 và 02 người con, lớn nhất

sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/05/2024 đến ngày 24/06/2024 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn K, sinh năm 1986 tại Cà Mau; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Ấp B, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T2 (đã chết) và bà Lê Thị X, sinh năm 1952; bị cáo có vợ Lê Thị L1, sinh năm 1986 và 04 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/05/2024 đến ngày 24/06/2024 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Minh P, sinh năm 1975 tại Vĩnh Long; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: Ấp D, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tấn H1, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1956; bị cáo có vợ Văn Thị P2, sinh năm 1978 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/05/2024 đến ngày 24/06/2024 thì được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Văn L, sinh năm 1989 tại Hải Phòng; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký tạm trú: Khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Sỹ H3, sinh năm 1964 (cha đẻ) và bà Lê Thị B1, sinh năm 1970; bị cáo có vợ Đỗ Thị D, sinh năm 1993 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Thị Bé B bán nước giải khát, cà phê tại ấp C, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Trong thời gian bán nước thấy có nhiều người đến quán có nhu cầu đánh bạc thắng thua bằng tiền nên B nảy sinh ý định sử dụng nhà đang ở của mình đối diện quán nước để cho những người đến quán uống nước đánh bạc thắng thua bằng tiền để thu tiền xâu. Người đến quán uống nước có nhu cầu đánh bạc thì B dẫn đến nhà B để đánh bạc, B chuẩn bị các bộ bài tây mua sẵn, chặn để phục vụ những người chơi tham gia đánh bạc, để thu tiền xâu. Khoảng 14 giờ ngày 08/05/2024, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Lê Huy T, và Lê Văn L, đến quán nước của B để uống nước, lúc này L rủ T3, C và K tham gia đánh bạc dưới hình thức “Cào Liêng” thắng thua bằng tiền thì mọi người đồng ý. L, T, C và K đi vào phòng khách nhà B để đánh bạc, B lấy một cái chăn màu xanh

trải ra nền nhà, nhiều bộ bài tây để cho L, T, C và K đánh bạc, thống nhất nếu người chơi trong lần chơi có bài liêng thì bỏ 20.000 đồng tiền xâu vào ca nhựa màu xanh cho B. Đến 16 giờ cùng ngày, Phạm Minh P đến nhà B để lấy xe thì thấy L, T, C và K đang đánh bạc nên P vào tham gia chơi cùng.

Hình thức chơi đánh bài Cào liêng như sau: Người chơi sử dụng 01 bộ bài tây 52 lá để chơi; người làm cái (ai thắng sẽ làm cái tiếp theo) sẽ chia lần lượt cho mình và cho nhà con, mỗi người 03 lá, số lượng người chơi là 7 người. Sau khi chia bài mỗi người chơi đặt tiền cược là 20.000 đồng (tiền đường), trong đó nhà Cái đặt cược 40.000 đồng (tiền đường 20.000 đồng, tiền âm tây là 20.000 đồng), nhà con kế cái nếu âm tây sẽ đặt gấp đôi số tiền cược của cái. Sau đó người chơi xem bài, nếu ai thấy bài mình lớn hay muốn lừa người khác thì sẽ tố thêm từ 40.000 đồng cho đến 300.000 đồng, ai không theo thì úp bài coi như thua tiền cược. Tiếp theo người chơi mở bài để so, ai lớn nhất thì thắng, nếu bài hòa nhau thì so chất theo thứ tự từ lớn đến bé là Cơ - Rô - C - B1.

Cách tính lớn đến nhỏ như sau: Lớn nhất “Sáp” nghĩa là 03 con bài giống nhau khác chất (ví dụ: A, A, A hay K, K, K), tiếp theo đến “Liêng” là 03 con bài liên tiếp nhau thành dãy không phụ thuộc vào cùng chất, tiếp theo đến “Anh”, 03 con bài có hình (J, Q, K). Sau đó đến tính điểm, cộng tổng 03 lá rồi lấy số cuối, các quân 10, J, Q, K tính 10 điểm, điểm lớn nhất là 9 rồi đến điểm nhỏ hơn theo số thứ tự.

Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày, Công an xã T phối hợp với Công an thành phố Đ tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện bắt quả tang Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Lê Huy T, Phạm Minh P và Lê Văn L đang chơi đánh bạc dưới hình thức “Cào liêng” thắng thua bằng tiền thu giữ trên chiếu tổng số tiền: 6.180.000 đồng, trong ly nhựa màu xanh có 150.000 đồng, 14 bộ bài tây 52 lá trong đó 08 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, 06 bộ bài tây 52 lá chưa qua sử dụng; 01 chăn vải màu xanh có hoa văn; Nguyễn Huy C sử dụng số tiền 1.400.000 đồng để đánh bạc, khi tham gia đánh bạc thua 1.100.000 đồng; Nguyễn Văn K sử dụng số tiền 2.400.000 đồng để đánh bạc, khi tham gia đánh bạc thắng 200.000 đồng; Lê Huy T sử dụng số tiền 1.280.000 đồng để đánh bạc, khi tham gia đánh bạc thua 680.000 đồng. Phạm Minh P sử dụng số tiền 1.250.000 đồng để đánh bạc, khi tham gia đánh bạc thắng 250.000 đồng; Lê Văn L sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc, khi tham gia đánh bạc thắng 1.330.000 đồng. Quá trình đánh bạc Huỳnh Thị Bé B thu tiền xâu 150.000 đồng.

Khi bắt quả tang Lê Văn L bỏ trốn đến ngày 07/06/2024 L đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ đầu thú.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thị Bé B, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P và Lê Văn L phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Huỳnh Thị Bé B 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/05/2024 đến ngày 24/06/2024.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Huy C 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/05/2024 đến ngày 24/06/2024.

2.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/05/2024 đến ngày 24/06/2024.

2.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Minh P 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 08/05/2024 đến ngày 24/06/2024.

2.5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Văn L 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 21/8/2024 bị cáo Lê Văn L có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 23/8/2024 bị cáo Huỳnh Thị Bé B, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P có đơn kháng cáo xin chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Huỳnh Thị Bé B, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, xin được hưởng án treo.

Bị cáo Lê Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Huỳnh Thị Bé B, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P, Lê Văn L.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Thị Bé B, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P, Lê Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn luật định, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã nêu, cụ thể:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 14 giờ, ngày 08/05/2024 Huỳnh Thị Bé B đã tổ chức cho Lê Huy T, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P và Lê Văn L đánh bài để thu tiền xâu tại nhà của B thuộc ấp C, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; theo đó Lê Huy T, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P, Lê Văn L đã đánh bạc trái phép, dưới hình thức đánh bài cào liêng thắng thua bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 7.830.000 đồng, trong đó Nguyễn Huy C sử dụng số tiền 1.400.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Văn K sử dụng số tiền 2.400.000 đồng để đánh bạc, Lê Huy T3 sử dụng số tiền 1.280.000 đồng để đánh bạc, Phạm Minh P sử dụng số tiền 1.250.000 đồng để đánh bạc, Lê Văn L sử dụng số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc, còn Huỳnh Thị Bé B thu được 150.000 đồng tiền xâu.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thị Bé B, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P, Lê Văn L về tội đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị Bé B, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P, Lê Văn L, HĐXX xét thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo Huỳnh Thị Bé B, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lê Văn L sau khi phạm tội đã ra đầu thú, do đó bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn K cung cấp thêm tài liệu chứng minh gia đình bị cáo có ông nội là người công với cách mạng, gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn, con nhỏ, bị cáo là lao động chính của gia đình, xác nhận thông tin về nơi cư trú của Công an xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Bị cáo Huỳnh Thị Bé B cung cấp đơn xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, phải nuôi anh chồng bị khuyết tật và bị tâm thần không thể lao động, bị cáo là người trực tiếp nuôi dưỡng mẹ già. Bị cáo C cung cấp xác nhận thông tin về nơi cư trú, hồ sơ bệnh án của bố mẹ. Bị cáo P cung cấp thông tin về nơi cư trú của Công an xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Đối với bị cáo Lê Văn L mặc dù ngày 22/07/2015, bị Công an huyện H, tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác, bị cáo cho rằng không biết và không nhận được Quyết định xử phạt nói trên nên không có căn cứ cho rằng bị cáo chưa chấp hành xong đối với quyết định này. Để chứng minh cho lời trình bày của mình tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp Đơn xin xác nhận công dân nơi cư trú của Công an xã V với nội dung “...*Bị cáo có đăng ký thường trú tại xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Vào năm 2015 bị cáo vẫn sinh sống và làm ăn tại địa phương cho đến năm 2021 do hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo đến tỉnh Bình Phước để làm thuê cho đến nay*”. Công an huyện H, tỉnh Bạc Liêu không giao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên cho bị cáo là do lỗi của cơ quan nhà nước, không phải do lỗi của bị cáo và hiện nay Quyết định trên đã hết thời hiệu thi hành. Do vậy, không có căn cứ xác định bị cáo có nhân thân xấu.

Đồng thời, bị cáo L cung cấp thêm tài liệu xác nhận thông tin về nơi cư trú thể hiện các bị cáo có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo có đầy đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật và phù hợp với chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước mà cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo, sửa một phần Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Huỳnh Thị Bé B, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P, Lê Văn L.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2024/HS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với các bị cáo Huỳnh Thị Bé B, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P, Lê Văn L.

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Thị Bé B, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P và Lê Văn L phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị Bé B** 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (12-12-2024).

Giao bị cáo **Huỳnh Thị Bé B** cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Huy C** 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (12-12-2024).

Giao bị cáo **Nguyễn Huy C** cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** 06 (Sáu) tháng tù; cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (12-12-2024).

Giao bị cáo **Nguyễn Văn K** cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Phạm Minh P** 06 (sáu) tháng tù; cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (12-12-2024).

Giao bị cáo **Phạm Minh P** cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo **Lê Văn L** 06 (sáu) tháng tù; cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (12/12/2024).

Giao bị cáo **Lê Văn L** cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có

thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Huỳnh Thị Bé B, Nguyễn Huy C, Nguyễn Văn K, Phạm Minh P, Lê Văn L không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp;
- TAND, VKS, CA thành phố Đ;
- CQTHAHS CA thành phố Đ;
- CQĐT CA thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- UBND xã Tiến Hưng, thành phố Đ;
- UBND thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau;
- UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu;
- Các bị cáo;
- Lưu: HSYA, Tổ HCTP, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga